

Bản án số: 617/2022/HC-PT

Ngày 15 – 8 – 2022

V/v “*Yêu cầu hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Long

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 41/2022/TLPT-HC ngày 8 tháng 2 năm 2022 về việc “*Yêu cầu hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1193/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1. Ông Lê Hữu H và bà Trần Thị Kim D;

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Kim D:* Ông Lê Hữu H; cùng địa chỉ: TDP 6, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2. Ông Nguyễn Quang T (T1) và bà Đặng Thị Kim Y;

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Kim Y:* Ông Nguyễn Quang T; cùng địa chỉ: TDP 2, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Hữu H và ông Nguyễn Quang T:* Ông Nguyễn Văn U – Luật sư của Trung tâm tư vấn pháp luật N (có mặt).

**- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Thanh C – chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B;

Cùng địa chỉ: TDP 2, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B:* Ông Hoàng Ngọc P, ông Phạm Văn L, ông Đào Dương T và ông Phạm Quang V – Luật sư Văn phòng luật sư Tùng Anh, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (ông P, ông L có mặt; ông T, ông V vắng mặt).

- ***Người kháng cáo:*** Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Lê Hữu H bà Trần Thị Kim D trình bày:*

Vào năm 2003, gia đình ông H có nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Ngọc N2, trú tại khối 8, thị trấn K, huyện Đ một lô đất rẫy có 01 căn nhà tại khu vực đồi Đắk B'Lao (nay là tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện Đ), nguồn gốc đất của ông N2 là do ông N2 mua lại từ ông Nguyễn Quang B, đất có tứ cận:

Phía Đông giáp suối nước;

Phía Tây giáp ông S;

Phía Nam giáp ông T1;

Phía Bắc giáp bờ suối nước.

Tổng diện tích khoảng 07 sào với số tiền 14.000.000 đồng. Ông N2 đã bàn giao đất thực địa, có cắm mốc chỉ ranh và thời điểm nhận chuyển nhượng thì có con đường mòn cũ nên ông H cho rằng đã mua theo hiện trạng từ con đường mòn cũ này đổ xuống theo sơ đồ đo vẽ trong giấy viết tay và thời điểm nhận chuyển nhượng thì đập nước đã được đắp và nước dâng lên một phần. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H đã tiến hành trồng các cây như: thông, xà cừ, keo và điều trên toàn bộ diện tích đất. Năm 2010, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ xây dựng hệ thống cấp nước nên đã lấy của gia đình ông H 227m<sup>2</sup> theo quyết thu hồi đất số 26040/QĐ-UBND ngày 18/12/2010. Theo đó gia đình ông H đã được bồi thường số tiền 47.000.000 đồng. Do đó ông cho rằng việc sử dụng đất của ông trong khoảng thời gian trên 08 năm là hợp pháp, khi thu hồi đất đã được Nhà nước đền bù tức là đã công nhận đất đó là của ông H nên ông H không có ý kiến thắc mắc gì. Đến năm 2013, gia đình bà B, ông T đã thuê người đến chặt hạ số lượng lớn cây do ông H trồng.

Sau đó gia đình ông H tiếp tục trồng lại cây trên đất này và tiếp tục sử dụng. Từ thời điểm nhận chuyển nhượng ông H chưa đăng ký đo đạc nhưng

trước đó ông N2 đã đăng ký, kê khai đo đạc và đã có tên trên sổ mục kê năm 1995 với diện tích gần 05 sào.

Tuy nhiên, ông không hiểu vì lý do gì UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông với hộ ông Bùi Xuân T và ông Lê Hữu H trú tại thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Theo nội dung giải quyết theo quyết định này thì Chủ tịch UBND huyện Đ đã công nhận cho bà B, ông T được sử dụng 5111,5 m<sup>2</sup> đất đồng thời bác bỏ toàn bộ quyền sử dụng đất của gia đình ông H trong khi đất của gia đình ông H đã canh tác, sử dụng từ lâu. Mặt khác, UBND huyện Đ trong quá trình giải quyết khiếu nại đã không mời gia đình ông đến để giải quyết liên quan đến đơn khiếu nại của ông T, bà B. Đến ngày 15/10/2020, UBND thị trấn K có Thông báo số 123/TB-UBND về việc cấp GCNQSDĐ quyền sử dụng đất cho ông T, bà B thì gia đình ông mới được biết Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 này của Chủ tịch UBND huyện Đ. Thời điểm năm 2013 (thời điểm giải quyết khiếu nại) thì trên đất vẫn còn một số tài sản của ông như căn nhà ông N2: đang sinh sống do ông đã để lại cho ông N2 ở và một số cây thông, xà cừ do ông trồng.

Do thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng nên ông H, bà D đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ.

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Quang T1 trình bày:*

Vào năm 1995, ông T1 từ thành phố Hồ Chí Minh lên lập nghiệp tại thôn 3 xã Kiến Đức, huyện Đ (cũ), nay là thị trấn K, huyện Đ và làm ăn sinh sống đến bây giờ. Năm 1989, ông có khai hoang một thửa đất tại thôn 2, xã Kiến Đức giáp với thôn 8, xã Kiến Đức, đất có tứ cận:

Phía Bắc giáp đường mòn nhỏ;

Phía Nam giáp đất ông Thu;

Phía Đông giáp suối nước và một số hộ dân;

Phía Tây giáp bờ rào nghĩa trang liệt sĩ.

Sau khi khai hoang gia đình ông đã canh tác, trồng các cây công nghiệp và sinh sống ổn định, không có ai tranh chấp hay xâm phạm. Đến năm 2000 – 2001 thì cũng chỉ có hai gia đình canh tác là gia đình ông T1 và gia đình ông Nguyễn Quang B. Sau đó ông T1 có hiến một phần đất để làm bờ đập và một con đường đi qua Nghĩa trang liệt sĩ, đồng thời gia đình ông T1 có hiến một lô đất tại vị trí làm huyện ủy Đắk R'Lấp và UBND huyện đã đồng ý cấp lại quyền sử dụng đất cho gia đình ông bên bờ đập vào năm 2006, khi Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông đã trừ hành lang đường (đường AL14) và ông đã sinh sống ổn định đến thời điểm hiện tại. Do đó, ông khẳng định phần đất của

gia đình ông được Nhà nước công nhận giáp với hành lang đường hiện tại và bên kia con đường là đất của ông Bá đã bán cho ông N2 và ông N2 đã bán cho ông H. Ngoài ra gia đình ông không hề có tranh chấp với bất cứ gia đình nào.

Vào ngày 15/10/2020, qua nhiều người bạn ông T1 được biết UBND thị trấn K đã ban hành thông báo số 123/TB-UBND về việc công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T, bà B trên cơ sở đó ông T1 đã được biết Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ. Tại quyết định này có nêu nội dung căn nhà của ông T1 hiện đang nằm phía trong diện tích của ông T, bà B và trong tổng số diện tích 5.111,5m<sup>2</sup> là có sự chồng lấn lên diện tích đất của gia đình ông T1 khoảng 2.000m<sup>2</sup>.

Do thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi quyết định giải quyết khiếu nại nói trên nên ông T1, bà Y đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ.

*Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ ông Đỗ Thanh Cát trình bày:*

Năm 2011 hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H phát sinh tranh chấp đất đai tại Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện Đ và yêu cầu UBND thị trấn K xem xét giải quyết. Ngày 20/7/2011 UBND thị trấn K đã mời hộ ông Lê Hữu H, hộ ông Bùi Xuân T và các bên có liên quan để tổ chức hòa giải, qua quá trình hòa giải các bên chưa đi đến thống nhất nên buổi hòa giải không thành.

Năm 2013, ông Bùi Xuân T cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hương B tiếp tục có đơn kiến nghị UBND huyện Đ giải quyết tranh chấp đất đai với ông Lê Hữu H. Sau khi xem xét nội dung đơn, ngày 15/8/2013 UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2288/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung tranh chấp đất đai.

Quá trình kiểm tra, xác minh, đoàn kiểm tra đã tiến hành xác minh và làm việc với ông Bùi Xuân T, ông Lê Hữu H là những người có liên quan đến vụ việc, ngoài ra đoàn kiểm tra tiến hành xác minh với một số tổ chức, cá nhân có liên quan: cụ thể hộ ông T, bà B có thực tế sử dụng đất tại khu vực tổ dân phố 8, thị trấn K, quá trình sử dụng đất có biến động về diện tích do nhà nước giải tỏa làm công trình đập Đắc B'lao và công trình Nghĩa trang liệt sỹ, nguồn gốc sử dụng đất có xác nhận của chính quyền địa phương. Đối với việc sử dụng đất của ông Lê Hữu H cho rằng lô đất trên có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Phạm Ngọc N2 là không có căn cứ, ông Phạm Ngọc N2 chỉ sử dụng đất trong phạm vi thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10, thị trấn K, không có đất phía trên đường mòn cũ.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, UBND huyện Đắk R'Lấp đã ban hành Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/09/2013 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện

Đ, trong đó công nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ ông Bùi Xuân T, bà Nguyễn Thị Hương B đối với lô đất 5.111,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Tổ dân phố 8, thị trấn K; đồng thời, không công nhận lô đất trên của hộ ông Lê Hữu H có nguồn gốc nhận sang nhượng từ hộ ông Phạm Ngọc N2 vì không có căn cứ.

Sau khi UBND huyện ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, cơ quan Thanh tra huyện đã giao Quyết định số 2480/QĐ-UBND cho ông Lê Hữu H bằng đường bưu điện.

Ngày 09/9/2013 UBND huyện ban hành Thông báo số 113/TB-UBND về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện về xử lý sau giải quyết tranh chấp đất đai, giao các cơ quan chuyên điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của ông Lê Hữu H.

Từ sau khi có Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T với hộ ông Lê Hữu H, UBND huyện chưa nhận được đơn thư khiếu nại liên quan đến tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T với hộ ông Lê Hữu H đến tháng 10 năm 2020 thì ông Lê Hữu H và ông Nguyễn Quang T mới có đơn yêu cầu giải quyết tiếp.

Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai đã được Đoàn kiểm tra, xác minh số 2288 theo Quyết định số 2288/QĐ-UBND, ngày 15/8/2013 tham mưu Chủ tịch UBND huyện Đắk Rlấp thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định pháp luật, cụ thể: Đã ban hành Quyết định xác minh, làm việc, kiểm tra, xác minh với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan...

Về thời hiệu khởi kiện: Áp dụng quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 116, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện: “01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”. Như vậy, thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đình chỉ vụ án theo quy định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B trình bày:*

Vào năm 1993, gia đình ông T, bà B có xin UBND xã Kiến Đức (cũ) nay là UBND thị trấn K một lô đất hoang để sản xuất và sinh sống, đất có tứ cận:

Phía Đông giáp đất ông T1 (T) + ông T2;

Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Quang B cách đường mòn cũ;

Phía Bắc giáp hồ Đắk B'Lao;

Phía Nam giáp Nghĩa trang liệt sĩ và nhà V.

Việc xin đất của gia đình ông, bà đã được UBND xã Kiến Đức đồng ý xác nhận vào ngày 06/8/1993. Trong quá trình khai hoang, phục hóa, gia đình đã trồng được 600 cây cà phê, 200 cây cari xung quanh rẫy và một số cây điều, mít. Sau đó do điều kiện khó khăn phải nuôi con ăn học nên đã vay ngân hàng và đều có giấy xác nhận của UBND xã là có đất tại vị trí này. Trong quá trình canh tác

thời gian dài thì không hề có tranh chấp với ai. Vào năm 2001, gia đình ông, bà đã hiến một phần đất để Nhà nước làm đập nước và không được đền bù với diện tích là 06 sào cà phê và cây trồng khác. Có biên bản kiểm kê tài sản vào năm 2001. Năm 2004, khi Nhà nước làm đường Hai Bà Trưng cũng đã thu hồi một phần diện tích của gia đình nhưng cũng không được bồi thường một khoản tiền nào mặc dù gia đình rất khó khăn và sau đó có được Nhà nước miễn tiền học phí cho các con từ năm 2003 đến năm 2006. Việc làm đường đã chia diện tích đất rẫy của ông, bà ra làm hai phần, một phần giáp với ông T1 và một phần bên kia đường giáp với đường mòn cũ.

Sau thời gian làm đường thì gia đình vẫn canh tác, trồng cây lấy củi, cây lấy gỗ như cây keo và cây mít để ăn trái và số diện tích còn lại gia đình trồng màu. Năm 2010 Nhà nước tiếp tục thu hồi để làm dự án cấp nước cho thị trấn K đã đền bù sai đối tượng và người nhận tiền sai là ông Lê Hữu H. Sau đó gia đình ông, bà đã khiếu nại lên UBND huyện Đ về việc này. Ngày 09/9/2013, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2480/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông, bà với hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ. Theo quyết định đã công nhận toàn bộ diện tích nêu trên của gia đình ông bà là đúng quy định của pháp luật. Từ khi giải quyết khiếu nại thì gia đình ông, bà vẫn sử dụng trên diện tích đất nói trên không ai có ý kiến gì.

Vào các năm 2016, năm 2019, ông H có thuê xe múc đất của gia đình ông H phía sau và có múc con đường mòn cũ, đồng thời múc lên 10m trong phần đất của gia đình ông, bà nên ông, bà đã làm đơn gửi lên UBND thị trấn K, Ban quản lý đô thị và khi cơ quan chức năng xuống thì ông H đã đưa xe ra về và không tiến hành san ủi nữa và chính quyền địa phương cũng không lập biên bản. Do thời gian ốm đau, bệnh tật phải đi viện nhiều nên không thể làm đơn xin cấp GCNQSDĐ được. Đến năm 2020 khi gia đình làm đơn để hoàn tất thủ tục và ông H đứng ra ngăn cản và UBND huyện Đ đã ngừng việc cấp GCNQSDĐ đã làm ảnh hưởng đến gia đình.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ khi ban hành Quyết định số 2480/QĐ-UBND là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định này đã hết. Do đó, ông, bà đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T: Ông, bà cho rằng ông T không có quyền khởi kiện vì ông không liên quan đến quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Quyết định giải quyết khiếu nại này chỉ giải quyết tranh chấp giữa gia đình ông, bà với ông H. Hơn nữa ông T không xác định được đất của ông nằm ở vị trí nào và trước đó ông T đã ký giấy thỏa T1 với gia đình ông T, bà B với nội dung thỏa T1 về con đường đi vào năm 2013 nên không liên quan đến vụ án này.

*Những người làm chứng: - Ông Phạm Ngọc N2 và bà Lê Thị Tuyết trình bày:*

Năm 1993 vợ chồng ông N2, bà Tuyết có mua một lô đất khoảng 7 sào của ông Nguyễn Quang B tại thôn 8, xã Kiến Đức (cũ). Sau khi mua thì ông, bà

đã sinh sống, cất nhà và trồng cây Cà Phê và một số cây công nghiệp khác. Sau đó gia đình ông đã đăng ký kê khai và đã có tên trong sổ mục kê, quá trình sử dụng ông, bà cũng không khai hoang thêm. Căn nhà thời điểm ông làm lần đầu năm 1993 cách trạm bơm phía trên về hướng Bắc khoảng 30m và cách căn nhà ông, bà hiện tại khoảng 60m - 70m. Do điều kiện khó khăn nên vào năm 2003 ông, bà đã bán lại diện tích đất trên cho ông Lê Hữu H với số tiền 14.000.000 đồng bằng giấy tờ viết tay. Sau khi bán ông, bà đã bàn giao đất cho ông H sử dụng và ông H đã trồng toàn bộ thông, xà cừ và lúc đó bà B đã đến tranh chấp và nhổ bỏ cây thông dọc theo đường mòn từ bờ đập đi qua. Số còn lại gia đình ông được ông H cho chăm sóc và ở trên căn nhà đã bán cho ông H đến bây giờ. Sau khi Nhà nước đập đập thì nước dâng lên một phần diện tích đất của gia đình ông, bà đã bán cho ông H nhưng không được đền bù.

Về vị trí con đường mòn cũ so với vị trí con đường nhựa (Hai Bà Trưng) hiện tại cách nhau một khoảng cách khoảng 30m – 40m về hướng tây, con đường mòn cũ này trước đây đi ngang qua nhà ông, bà và hiện nay đã sản ủi không còn dấu vết. Về phần diện tích đất của ông Nguyễn Quang T thì không liên quan gì đến diện tích đất này vì thời điểm đó ông T đã rào kiên cố và sinh sống đến thời điểm hiện tại...

- *Những người làm chứng như: Ông Nguyễn Quang Hậu, bà Lê Thị Thanh, ông Bùi Quốc Thọ, ông Nguyễn Văn Màu:* Trong quá trình giải quyết vụ án đều có bản tự khai làm chứng và cho rằng các ông, bà là những người sinh sống lâu năm tại địa phương, có người canh tác tại vị trí đất này một thời gian và đều biết được nguồn gốc đất hiện đang tranh chấp trước đây là của ông N2 mua của ông Nguyễn Quang B, sau đó ông N2 sử dụng và sang nhượng lại toàn bộ cho ông Lê Hữu H và giữa ông N2, ông H với ông T, bà B quá trình canh tác đã có tranh chấp với nhau. Tất cả đều cam đoan lời khai này là đúng sự thật.

*Những người làm chứng: Ông Nguyễn Đình Sơn, bà Nguyễn Thị Phương, ông Trần Đình C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn U và bà Lê Thị H:* Trong quá trình giải quyết vụ án đều có lời khai làm chứng và cho rằng ông bà là người sinh sống lâu năm tại địa phương và trong khoảng thời gian từ năm 1998 gia đình ông T, bà B có làm rẫy tại khu vực đất hiện nay đang tranh chấp này và có biết trước đây có con đường mòn đi qua rẫy của ông T, bà B với nhà ông N2 và nhà của ông N2 nằm phía dưới con đường mòn cũ này.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, quyết định:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 và Điều 359 của Luật tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai 2003; mục 3.3 phần I Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 3/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng

cục địa chính về việc hướng dẫn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu H, bà Trần Thị Kim D, ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Kim Y: Hủy Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ.

*Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.*

Ngày 7/12/2021, ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 16/12/2021, Chủ tịch UBND huyện Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Xuân T, bà Nguyễn Thị Hương B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng diện tích đất tranh chấp đã có một trong các loại giấy tờ theo quy định của Luật đất đai, đó là sổ mục kê có tên ông Nguyễn Quang T1 và ông Phạm Nhứt (là người bán đất cho ông Lê Hữu H) và trên đất đã có tài sản là các cây trồng từ năm 2005. Như vậy tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông H với hộ bà B, ông T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Việc UBND huyện Đắc Lấp lấy giải quyết là không đúng, trái pháp luật. Kháng cáo của UBND và của ông T, bà B là không có căn cứ và ảnh hưởng đến việc lợi chính đáng của người khởi kiện. Các luật sư của ông T, bà B nói nhiều nhưng không có đúng pháp luật, toàn là các suy đoán gián tiếp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND huyện Đắc Lấp và kháng cáo của ông Bùi Xuân T, bà Nguyễn Thị Hương B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ cho rằng cấp sơ thẩm xét xử là không đúng. Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ được ban hành theo đúng trình tự và thủ tục luật định. Đồng thời có căn cứ xác định thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Nông chấp nhận kháng cáo và đình chỉ vụ án theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Xuân T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T và bà B cho rằng về quyền khởi kiện, vợ chồng ông T khởi kiện mà không hề có bất kỳ một quan hệ, tác động nào từ quyết định 2480 và không đưa ra bất kỳ một tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ. Tòa án thụ lý vụ kiện là không đúng bởi vì có thủ đoạn ngay từ việc nhập 02 nhóm “người khởi kiện” vào cùng một đơn khởi kiện để trốn tránh



nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm hại; về thời hiệu khởi kiện, có căn cứ khẳng định vợ chồng ông H đã không thực hiện theo đúng quy trình khiếu nại hành chính, vì vậy không được coi là khiếu nại hợp lệ đối với quyết định số 2480. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông T, bà B và đình chỉ giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy việc cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ là có căn cứ, đúng pháp luật, bởi lẽ UBND huyện Đ không có thẩm quyền giải quyết trong trường hợp này. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới có giá trị chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện Đ, ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B và giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện Đ, ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B đúng về nội dung, hình thức và được nộp trong hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Những người khởi kiện khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ (Gọi tắt là Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013).

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xác định đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai mà cụ thể là khiếu kiện “*Yêu cầu hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 2480/QĐ-UBND được ban hành ngày 09/9/2013. Tuy nhiên, sau khi ban hành Quyết định này Chủ tịch UBND huyện Đ đã không tổng đạt hợp lệ theo quy định cho ông Lê Hữu H, bà D. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xác định thời điểm ông H, bà D biết Quyết định 2480/QĐ-UBND là vào ngày 14/10/2019 vì ngày này bà D có làm “đơn đề nghị” gửi đến Phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh Đắk Nông đề nghị giải quyết hai nội dung là yêu cầu hủy quyết định số 2480/QĐ-UBND và điều tra, xử lý sai phạm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại nhưng không được giải quyết. Ngày 06/7/2020 ông H tiếp tục gửi “đơn đề nghị” đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông và ngày 28/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển đơn của ông H đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Ngày 20/11/2020 Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông đã trả lại đơn khởi kiện của ông H và hướng dẫn ông H khởi kiện ra Tòa án nhân dân. Do đó, tính từ ngày 14/10/2019 (xác định ngày ông, bà biết được quyết định hành chính) đến khi ông H, bà D nộp đơn khởi kiện thì xác định ông H, bà D có khiếu nại, kiến nghị liên tục nhưng không được giải quyết và lỗi trong việc tổng đạt quyết định giải quyết khiếu nại thuộc về cơ quan ban hành. Do đó, ngày 16/12/2020, ông H, bà D đã nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính là có căn cứ.

Đối với thời hiệu khởi kiện quyết định số 2480/QĐ-UBND của ông Nguyễn Kim T (T1): Mặc dù Quyết định số 2480/QĐ-UBND được ban hành ngày 09/9/2013 không giải quyết đối với ông và ông T1 không thuộc đối tượng được nhận. Tuy nhiên ngày 15/10/2020 qua Thông báo số 123/TB-UBND về việc công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T, bà B thì ông T1 mới biết được Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 và cho rằng quyết định này đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông do diện tích đất dự kiến cấp GCNQSDĐ cho bà B, ông T theo quyết định giải quyết khiếu nại số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 đã chồng lên phần diện tích đất của ông và đã bít toàn bộ lối đi vào nhà của ông nên ngày 16/12/2020, ông đã nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông là đang trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính.

[1.3] Về chủ thể có quyền khởi kiện: Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà D nên ông H, bà D có quyền khởi kiện yêu cầu hủy quyết định này. Đối với ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Kim Y tuy Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 được ban hành không liên quan trực tiếp đến việc giải quyết khiếu nại của ông T, bà Y nhưng việc ban hành quyết định này ông Thiên cho rằng đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông T, bà Y có quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, tại khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 quy định:

*“... Tranh chấp đất đai đã được hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn mà một bên hoặc các bên đương sự không nhất trí thì được giải quyết như sau:*

*1. Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết”*

Tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 quy định:

*“... ”*

*b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;”*

[2.2] Quá trình giải quyết tranh chấp, qua các biên bản xác minh của Chủ tịch UBND huyện Đ và hồ sơ do UBND huyện cung cấp thì xác định tại thời điểm giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T với hộ ông Lê Hữu H thì một bên đã có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003. Cụ thể: Nguồn gốc đất của ông H được xác định là do mua của ông Phạm Ngọc N2 và ông Nhật cũng đã đăng ký kê khai và đã có tên trong sổ địa chính (sổ mục kê) tại trang số 55, tờ bản đồ số 10 với diện tích 4.810m<sup>2</sup> (BL số 37) và xác định nguồn gốc đất của hộ ông T, bà B là do ông, bà xin cấp đất tại khu vực đất hoang và ngày 05/8/1993 được UBND xã Kiến Đức (cũ) xác nhận, có vẽ sơ đồ mặt sau và có đóng dấu xác nhận (BL số 220). Như vậy, trong trường hợp tranh chấp này phải xác định là một trong các bên đã có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất và theo quy định nêu trên thì thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân chứ không phải Chủ tịch UBND huyện Đ.

[2.3] Mặt khác, theo quy định tại mục 3.3 phần I Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 3/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất” quy định:

*“Nếu tranh chấp về tài sản là nhà ở, vật kiến trúc khác (như nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, giếng nước, nhà để ô tô, nhà thờ, tường xây làm hàng rào gắn với nhà ở, các công trình xây dựng trên đất được giao để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh như nhà xưởng, kho tàng, hệ thống tưới tiêu nước, chuồng trại chăn nuôi hay vật kiến trúc khác hoặc trên đất có các tài sản khác như cây lấy gỗ, cây ăn quả, cây công nghiệp hay các cây lâu năm khác) gắn liền với việc sử dụng đất đó thì Tòa án thụ lý giải quyết”.*

Hồ sơ vụ án thể hiện, theo các Biên bản làm việc xác minh do Thanh tra huyện chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn và các bên liên quan và tại Quyết định số 2480/QĐ UBND ngày 09/9/2020 thể hiện: Đối với phần diện tích

xác minh thực địa lô đất đang tranh chấp 5.111,5m<sup>2</sup> thì trên đất có một số cây keo tại tượng, cây thông trồng năm 2004, 2005 hiện đã lớn. Đây là khu vực đất tranh chấp giữa hộ ông Lê Hữu H và hộ ông T, bà B”;

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ khu vực đất tranh chấp ngày 25/6/2021 thể hiện vẫn còn một số cây trồng gắn liền với diện tích đất các bên đang tranh chấp với nhau. Cụ thể: Trên phần diện tích bà Bưởi, ông T chỉ ranh còn một số cây keo tại tượng trồng năm 2005, 02 cây mít trồng năm 1995, 01 cây ổi trồng năm 1995, 02 cây thông trồng năm 2003, 02 cây xà cừ trồng năm 2003, 01 căn nhà diện tích 108m<sup>2</sup>.

[3] Như vậy với các quy định nêu trên thì thấy việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lê Hữu H với hộ bà Nguyễn Thị Hương B, ông Bùi Xuân T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân chứ không phải của Ủy ban nhân dân. Do vậy, Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H là giải quyết sai thẩm quyền.

Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện, hủy Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ để các đương sự khởi kiện tại Tòa án nhân dân là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện Đ, ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà B tại phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, ông T (T1) và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch UBND huyện Đ, ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 luật Tổ tụng hành chính.

[1] Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện Đ, ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 và Điều 359 của Luật tố tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai 2003; mục 3.3 phần I Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 3/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn về thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu H, bà Trần Thị Kim D, ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Kim Y.

Hủy Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 09/9/2013 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bùi Xuân T và hộ ông Lê Hữu H tại thị trấn K, huyện Đ.

[2] Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm:

Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000050 ngày 06/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

Ông Bùi Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương B phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000041 ngày 15/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đắk Nông; (1)
- VKSND tỉnh Đắk Nông; (1)
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông; (1)
- NKK; (4)
- NBK; (1)
- NLQ; (2)
- Lưu VT (6), HS (2) T.20 (BA 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Long**